

Tăng tỷ trọng

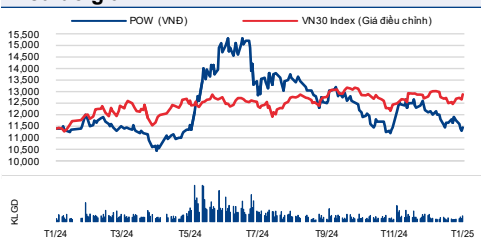
Giá mục tiêu: VNĐ13,500

Tiềm năng tăng/giảm: 17.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	11,500
Mã Bloomberg	POW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,450-15,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,450
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	26,932
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,074
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,342
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,148
Slg CP NN được mua (tr.đv)	970
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.59%
Tỷ lệ freefloat	18.8%
Cổ đông lớn	PVN (79.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	28,329	34,476	42,375
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,030	5,154	6,830
LNTT (tỷ đồng)	1,442	2,109	2,574
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,038	1,622	1,991
FCF (tỷ đồng)	(2,960)	(14,001)	(5,500)
EPS ĐC (đồng)	443	693	850
DPS (đồng)	300	300	300
BVPS (đồng)	13,414	13,603	14,098
T.trưởng EBITDA (%)	(47.0)	70.1	32.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	(49.6)	56.3	22.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.7	14.9	16.1
Tỷ suất LNTT (%)	5.09	6.12	6.07
Tỷ suất LNT ĐC (%)	3.67	4.71	4.70
Tỷ lệ LN trả CT (%)	67.7	43.3	35.3
Nợ thuần/VCSH (%)	13.5	55.6	66.6
ROAE (%)	3.35	5.13	6.14
ROACE (%)	3.87	4.43	5.30
EV/doanh thu (lần)	1.10	1.29	1.15
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.3	8.66	7.16
P/E ĐC (lần)	25.9	16.6	13.5
P/B (lần)	0.86	0.85	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	2.61	2.61	2.61

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

POW đang vận hành công suất phát điện 4.2GW, khoảng 6% tổng công suất đặt của VN, và sẽ có thêm 1.5 GW điện LNG vận hành trong các năm 2024-2025.

Chuyên viên phân tích

Natalie Nguyễn

Trưởng Phòng, Ngành Năng Lượng
natalie.nguyen@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 110

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q4/2024: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi kém tích cực, không đạt dự báo

- POW công bố lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 186 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ và 53% so với quý trước. Tuy nhiên, nếu không tính đến khoản lợi nhuận khoảng 400 tỷ đồng (liên quan đến khoản chi trả bảo hiểm cho dự án Vũng Áng 1) và khoản lỗ tỷ giá đáng kể, lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q4/2024 giảm 52% so với cùng kỳ, do áp lực từ giá bán giảm và chi phí đầu vào tăng.
- Lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt 1.252 tỷ đồng, tăng trưởng 21% nhưng thấp hơn 23% so với dự báo của HSC.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng & 3 tháng qua, POW đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, thấp hơn 1,3 lần độ lệch chuẩn so với bình quân từ đầu năm 2023. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 13.500đ.

Sự kiện: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q4/2024 giảm 52% so với cùng kỳ, không đạt dự báo

POW ghi nhận lợi nhuận thuần Q4/2024 kém tích cực đạt 186 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ và 53% so với quý trước, mặc dù doanh thu đạt 8.493 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ và 40% so với quý trước. Nếu không tính đến khoản lợi nhuận liên quan đến bảo hiểm (khoản chi trả từ PVI (Năm giữ, giá mục tiêu 60.900đ)) và khoản lỗ tỷ giá thuần 340 tỷ đồng, lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q4/2024 giảm 52% so với cùng kỳ xuống 138 tỷ đồng, do áp lực từ giá bán giảm và chi phí đầu vào tăng.

Tính chung cả năm 2024, POW ghi nhận lợi nhuận thuần đạt 1.252 tỷ đồng, tăng trưởng 21% trên doanh thu thuần 30.180 tỷ đồng, tăng trưởng 7%. Nếu không tính đến tác động của tỷ giá và khoản lợi nhuận liên quan đến bảo hiểm, hai khoản mục không nằm trong dự báo của HSC, lợi nhuận HĐKD cốt lõi của POW đi ngang so với năm trước, thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC là 1.622 tỷ đồng (tương đương tăng trưởng 56%).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024 và cả năm 2024, POW

Tỷ đồng	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Doanh thu	8,493	25%	40%	30,180	7%	88%
Giá vốn hàng bán	-7,954	43%	38%	-28,232	10%	
Lợi nhuận gộp	540	-57%	82%	1,948	-28%	
Chi phí BH&QL	-394	-50%	133%	-874	-31%	
Thu nhập tài chính	-0	N/m	N/m	616	13%	
Chi phí tài chính	-310	29%	N/m	-667	-9%	
Thu nhập từ công ty liên kết	0	-100%	N/m	1	-98%	
Thu nhập thuần khác	414	1706%	7944%	493	225%	
LNNT	250	-42%	-54%	1,517	5%	
LNST	235	-41%	-48%	1,346	5%	
Lợi nhuận thuần	186	-37%	-53%	1,252	21%	77%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	48			174		
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	138	-52%	11%	1,078	0%	

Nguồn: POW, HSC

Bảng 2: Sản lượng tiêu thụ Q4/2024 và năm 2024, POW

Sản lượng năm 2024 tăng trưởng 11%, nhờ sản lượng của nhà máy NT2 và Cà Mau 1, 2 tăng

Triệu kWh	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng
Cà Mau 1,2	1,581	35.8%	33.1%	5,997	13.6%
Nhơn Trạch 1	157	4.7%	41.4%	284	-60.2%
Nhơn Trạch 2	925	130.1%	24.5%	2,743	-5.3%
Hua Na	202	6.9%	-24.1%	636	8.2%
Đăkđinh	147	-21.4%	10.5%	566	-9.7%
Vũng Áng 1	1,409	17.3%	132.5%	5,846	34.8%
Tổng cộng	4,421	34.3%	45.0%	16,072	11.3%

Nguồn: POW, HSC

Bảng 3: Giá bán bình quân Q4/2024 và năm 2024, POW

Giá bán bình quân năm 2024 giảm 5%, chủ yếu do giá bán giảm của NT1 và Vũng Áng 1

Đồng/kWh	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng
Cà Mau 1,2	1,820	-10.6%	-8.5%	1,906	-1.4%
Nhơn Trạch 1	2,164	3.8%	-22.3%	2,398	-13.0%
Nhơn Trạch 2	2,099	-21.7%	-9.5%	2,142	-1.7%
Hua Na	1,000	31.9%	-9.5%	1,077	-4.2%
Đăkđinh	803	66.3%	-9.5%	885	-10.1%
Vũng Áng 1	1,772	-16.1%	-26.5%	1,846	-6.6%
Tổng cộng	1,781	-10.1%	-13.4%	1,864	-5.0%

Nguồn: POW, HSC

Tăng trưởng sản lượng không đủ để thúc đẩy lợi nhuận HĐKD cốt lõi

Doanh thu Q4/2024 được thúc đẩy bởi sản lượng điện tiêu thụ tăng 34% so với cùng kỳ đạt 4,4 tỷ kWh, chủ yếu nhờ sản lượng tăng đáng kể từ các nhà máy nhiệt điện NT2 và Cà Mau 1, 2 (tăng lần lượt 130% và 36% so với cùng kỳ). Trong khi đó, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q4/2024 bị ảnh hưởng bởi:

- Giá bán bình quân giảm 10% so với cùng kỳ do EVN cắt giảm 12% sản lượng điện hợp đồng với các nhà máy nhiệt điện khí và than của POW xuống 3,4 tỷ kWh, theo đó, POW có thể đã phải giảm giá bán trên thị trường phát điện cạnh tranh cho sản lượng còn lại.
- Theo ước tính của HSC, giá vốn hàng bán trên mỗi kWh tăng 7% so với cùng kỳ do chi phí đầu vào tăng, ví dụ, giá than trong nước tăng khoảng 10% so với cùng kỳ.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 13.500đ

Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 3 tháng qua, POW đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, thấp hơn 1,3 lần độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2023. Trong khi chờ đánh giá thêm, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 13.500đ.

Vào ngày 11/1/2025, Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 đốt lửa lần đầu thành công, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình đưa dự án điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam vào vận hành thương mại.

Các cột mốc quan trọng còn lại của dự án bao gồm việc ký kết Thỏa thuận khung với PV GAS (GAS; Mua vào, giá mục tiêu 85.000đ) về phân phối khí LNG và hoàn thành đường dây truyền tải điện 220 kV Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (dự kiến hoàn thành trong Q3/2025, chậm hơn vài tháng so với mục tiêu vận hành thương mại của NT3 là vào tháng 6/2025 như đã đề cập trong [báo cáo trước của HSC](#)).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-	Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
Doanh thu	28,224	28,329	34,476	42,375	-	EBIT	2,903	1,588	2,039	2,729	-
Lợi nhuận gộp	3,726	2,704	3,108	4,043	-	Khấu hao	(2,809)	(1,442)	(3,114)	(4,101)	-
Chi phí BH&QL	(868)	(1,268)	(1,069)	(1,314)	-	Lãi vay thuần	(147)	(186)	25.2	(200)	-
Thu nhập khác	67.1	162	0	0	-	Thuế TNDN đã nộp	(256)	(159)	(200)	(232)	-
Chi phí khác	(23.1)	(10.2)	0	0	-	Thay đổi vốn lưu động	(1,605)	(1,249)	(1,516)	(2,357)	-
EBIT	2,903	1,588	2,039	2,729	-	Khác	(548)	1,916	(830)	(1,218)	-
Lãi vay thuần	(147)	(186)	25.2	(200)	-	LCT thuần từ HKKD	3,156	3,352	2,632	2,823	-
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	53.2	40.1	44.4	44.9	-	Đầu tư TS dài hạn	(2,601)	(6,312)	(16,633)	(8,323)	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	Góp vốn & đầu tư	(1,683)	(3,101)	800	1,500	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-	Thanh lý	549	2,455	0	0	-
LNTT	2,809	1,442	2,109	2,574	-	Khác	361	473	449	443	-
Chi phí thuế TNDN	(256)	(159)	(200)	(232)	-	LCT thuần từ HĐĐT	(3,374)	(6,485)	(15,385)	(6,379)	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	(492)	(245)	(286)	(351)	-	Cổ tức trả cho CSH	(199)	(365)	(703)	(703)	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-	Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	-
Lợi nhuận thuần	2,061	1,038	1,622	1,991	-	Tăng/giảm nợ	444	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần ĐC	2,026	1,038	1,622	1,991	-	Khác	0	-	-	-	-
EBITDA ĐC	5,712	3,030	5,154	6,830	-	LCT thuần từ HĐTC	245	-	-	-	-
EPS (đồng)	880	443	693	850	-	Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,224	8,252	-	-	-
EPS ĐC (đồng)	865	443	693	850	-	LCT thuần trong kỳ	28.0	-	-	-	-
DPS (đồng)	300	300	300	300	-	Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.00)	0.37	0	0	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	-	Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,252	-	-	-	-
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	-	Dòng tiền tự do	555	(2,960)	(14,001)	(5,500)	-
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	-						
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-	Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
Tiền & tương đương tiền	8,252	8,440	1,723	3,610	-	Chỉ số hoạt động					
Đầu tư ngắn hạn	1,650	2,391	0	0	-	Tỷ suất LN gộp (%)	13.2	9.55	9.02	9.54	-
Phải thu khách hàng	12,538	14,560	15,618	19,196	-	Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.2	10.7	14.9	16.1	-
Hàng tồn kho	2,086	2,167	2,666	3,258	-	Tỷ suất LNT (%)	7.30	3.67	4.71	4.70	-
Các tài sản ngắn hạn khác	400	1,484	567	693	-	Thuế TNDN hiện hành (%)	9.12	11.0	9.50	9.00	-
Tổng tài sản ngắn hạn	24,925	29,042	20,574	26,756	-	Tăng trưởng doanh thu (%)	14.9	0.37	21.7	22.9	-
TSCĐ hữu hình	30,059	35,394	48,115	52,344	-	Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	26.7	(47.0)	70.1	32.5	-
TSCĐ vô hình	31.9	39.3	18.7	11.1	-	Tăng trưởng LNT ĐC (%)	95.1	(48.7)	56.3	22.7	-
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	-	Tăng trưởng EPS (%)	14.6	(49.6)	56.3	22.7	-
Đầu tư dài hạn	375	375	360	342	-	Tăng trưởng EPS ĐC (%)	95.1	(48.7)	56.3	22.7	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	503	585	528	555	-	Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	-
Tài sản dài hạn khác	950	4,927	1,207	1,484	-	Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.1	67.7	43.3	35.3	-
Tổng tài sản dài hạn	31,918	41,320	50,230	54,736	-	Chỉ số lợi nhuận					
Tổng cộng tài sản	56,843	70,362	70,804	81,492	-	ROAE (%)	6.97	3.35	5.13	6.14	-
Nợ ngắn hạn	5,635	5,507	6,895	8,051	-	ROACE (%)	7.77	3.87	4.43	5.30	-
Phải trả người bán	7,346	15,947	9,410	11,500	-	Vòng quay tài sản (lần)	0.51	0.45	0.49	0.56	-
Nợ ngắn hạn khác	5,090	5,159	5,869	7,207	-	Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.09	2.11	1.29	1.03	-
Tổng nợ ngắn hạn	18,326	26,785	22,382	27,008	-	Số ngày tồn kho	31.1	30.9	31.0	31.0	-
Nợ dài hạn	3,382	7,172	12,537	17,537	-	Số ngày phải thu	187	207	182	183	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.61	3.16	0	0	-	Số ngày phải trả	109	227	109	109	-
Nợ dài hạn khác	118	118	130	136	-	Cơ cấu vốn					
Tổng nợ dài hạn	3,503	7,294	12,667	17,673	-	Nợ thuần*/VCSH (%)	2.52	13.5	55.6	66.6	-
Tổng nợ phải trả	23,562	36,243	35,898	45,276	-	Nợ/tài sản (%)	15.9	18.0	27.5	31.4	-
Vốn chủ sở hữu	30,516	31,415	31,858	33,016	-	EBIT/lãi vay (lần)	19.8	8.53	N/a	13.6	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,765	2,705	3,048	3,201	-	Nợ/EBITDA (lần)	1.58	4.18	3.77	3.75	-
Tổng vốn chủ sở hữu	33,281	34,119	34,906	36,216	-	Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.36	1.08	0.92	0.99	-
Tổng nợ phải trả và VCSH	56,843	70,362	70,804	81,492	-	Định giá					
BVPS (đ)	13,031	13,414	13,603	14,098	-	EV/doanh thu (lần)	0.98	1.10	1.29	1.15	-
Nợ thuần*/(tiền mặt)	765	4,239	17,709	21,979	-	EV/EBITDA ĐC (lần)	4.85	10.3	8.66	7.16	-
						P/E (lần)	13.1	25.9	16.6	13.5	-
						P/E ĐC (lần)	13.3	25.9	16.6	13.5	-
						P/B (lần)	0.88	0.86	0.85	0.82	-
						Lợi suất cổ tức (%)	2.61	2.61	2.61	2.61	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn